

	bandi	taajuusalue	osa-alue			oik	alueen leveys	suurin sall. teho		lähetteen max. leveys	
			alkaa	päätyy				P	Y		
LF	2.2 km	135.7 - 137.8 kHz	135.700	137.800	kHz	sec	2.100 kHz	1 W EIRP			
MF	630 m	472 - 479 kHz	472	479	kHz	sec	7 kHz	1 W EIRP		1 kHz	
	160 m	1810 - 2000 kHz	1810	1850	kHz	pri	40 kHz	120 W	1500 W	8 kHz	
HF	80 m	3500 - 3800 kHz	1850	2000	kHz	sec	150 kHz	15 / 60 W		8 kHz	
			3500	3800	kHz	pri	300 kHz	120 W	1500 W		
	60 m	5351,5 - 5366,5 kHz	5351.5	5366.5	kHz	sec	15 kHz	15 W EIRP		8 kHz	
	40 m	7000 - 7200 kHz	7000	7100	kHz	pex	100 kHz	120 W	1500 W	8 kHz	sat
			7100	7200	kHz	pex	100 kHz				
	30 m	10100 - 10150 kHz	10100	10150	kHz	sec	50 kHz	120 W	1500 W	1 kHz	
	20 m	14000 - 14350 kHz	14000	14250	kHz	pex	250 kHz	120 W	1500 W	8 kHz	sat
			14250	14350	kHz	pex	100 kHz				
	17 m	18068 - 18168 kHz	18068	18168	kHz	pex	100 kHz	120 W	1500 W	8 kHz	
	15 m	21000 - 21450 kHz	21000	21450	kHz	pex	450 kHz	120 W	1500 W	8 kHz	
12 m	24890 - 24990 kHz	24890	24990	kHz	pex	100 kHz	120 W	1500 W	8 kHz		
10 m	28 - 29.7 MHz	28.000	29.700	MHz	pex	1.7 MHz	120 W	1500 W	8 kHz	sat	
VHF	6 m	50 - 52 MHz	50	52	MHz	sec	2 MHz	30 / 120 W	150 / 200 W	18 kHz	!
			70.000	70.050	MHz	sec	0.050 MHz	25 W		1 kHz	!
	4 m	70 - 72.3 MHz	70.050	70.250	MHz	sec	0.200 MHz	30 W	100 W	18 kHz	!
			72.250	72.300	MHz	sec	0.050 MHz	25 W		18 kHz	!
2 m	144 - 146 MHz	144	146	MHz	pex	2 MHz	30 / 120 W	150 / 600 W	18 kHz	sat *	
UHF	70 cm	432 - 438 MHz	432	435	MHz	pri	3 MHz	30 / 120 W	150 / 600 W	sat	
			435	438	MHz	pri	3 MHz				
	13 cm	2300 - 2450 MHz	2300	2400	MHz	sec	100 MHz	30 / 120 W	150 / 600 W	sat	
			2400	2450	MHz	sec	50 MHz				
SHF	9 cm	3400 - 3408 MHz	3400	3408	MHz	sec	8 MHz	30 / 120 W	150 / 200 W		